

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền vào bảng Câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết bằng Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi bằng Câu hỏi này về :

Mrs KHUO MINH THO
PO Box 5435 Arlington
Va. 22205-0635
U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

- Name : HÀ THỊ MÔI Sex : Female
Họ tên
- Other Name : Any
Họ tên khác
- Date / Place of Birth : 1943 at Thới Bình, Cần Thơ Province.
Ngày / Nơi sinh
- Residence Address : Trường Thọ I Hamlet, Trường Xuân Commune,
Địa chỉ thường trú Ô Môn District, Hậu Giang Province, VIETNAM
- Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
- Present Occupation : Farmer.
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Là con cùng đi với tôi.

NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).
(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với Bạn. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATIONSHIP
1. Đỗ Thị HAI	25.11.61 Thạnh An PD.	F	M	Daughter
2. Đỗ Thị BA	30.10.62 Thạnh An PD	F	S	Daughter
3. Đỗ Thị TƯ	15.09.63 Thạnh An PD	F	S	Daughter
4. Đỗ Văn Năm	05.03.68 Tân Khánh PD	M	S	Son
5. Đỗ Văn BÓN	15.03.69 Minh Đức PD.	M	S	Son

(NOTE : For the persons listed above, we will need eligible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decree (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section C below.)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần có giấy khai sinh, Hôn thú (nếu đã lập gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu là con sẽ cùng đi với bạn mà hiện không cùng gia đình, xin ghi địa chỉ của họ vào Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoài quốc.

- | | OF MYSELF
của tôi | : | OF MY SPOUSE
của vợ/chồng |
|--|----------------------|---|------------------------------|
| 1. Closest Relative in The U.S.
Là con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ | | : | |
| a. Name
Họ tên | : | : | |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : | |
| c. Address
Địa chỉ | : | : | |
| d. Date of Relative's Arrival in The U.S.
Ngày bà con đến Hoa Kỳ | : | : | |
| 2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Là con thân thuộc nhất ở các nước khác | | : | |
| a. Name
Họ tên | : | : | |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : | |
| c. Address
Địa chỉ | : | : | |

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết).

1. Father : HÀ VAN TRUONG (Dead)
Chưa
2. Mother : VŨ THỊ ANH, 1909. Living at Châu Thành District, Hậu Giang Province.
Mẹ
3. Spouse : ~~Any~~ ĐỖ VĂN MƯỜI, born in 20.02.1942 at Truong Long, Phong Dinh
Vợ/chồng
4. Former Spouse (if any) : Any
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. Children :
Các con
 - (1) ĐỖ THỊ HAI, 25.11.61. Farmer. Living at Ô Môn
 - (2) ĐỖ THỊ BA, 30.10.62. id
 - (3) ĐỖ THỊ TƯ, 15.09.63. id
 - (4) ĐỖ VĂN NĂM, 05.03.68. id
 - (5) ĐỖ VĂN BỐN, 15.03.69. id
6. Siblings : (1) Hà Văn Thuận, Elder brother.
Anh/chị em Farmer, living at Tám Ngàn, H. Giang
(2) Hà Văn Thạch, Youngest brother.
Farmer, living at Cầu Săng, H. Giang
War Invalid of RVNAF

- 2 -

1. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
Họ tên nhân viên
- Position Title :
Chức vụ
- Agency / Company / Office :
Cơ / Hãng / Văn phòng
- Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ Đến
- Name of American Supervisor :
Họ tên giám thị Hoa Kỳ
- Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
- Employee Name :
Họ tên nhân viên
- Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : ĐỖ VĂN MƯỜI, born on 20.02.1942 at
Họ tên người tham gia Trường Long, Phong Dinh
2. Dates : From : 04.02.1966 To : 17.11.1969
Ngày tháng năm Từ Đến
3. Last Rank : Corporal I Serial No : 62/502.667
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/Mil. Unit: Regiment 9/BB, Regiment 16/BB, Bat.4
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng Company 2, II Platoon.
5. Name of Supervisor/ C.O. : Second Lieutenant ĐƯỜNG
Họ tên giám thị/SQ chỉ huy
6. Reason for Separation : Stepped on an explosion at XS 779.693
Lý do nghỉ việc and died immediately on 17.11.1969
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Hoa Kỳ
8. U.S. Training Courses in Vietnam :
Các khóa huấn luyện của Mỹ tại VN
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificate, if available. Available ? Yes : No :)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, Giấy Ban khen hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không ? Có : Không :)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Học hoặc vợ chồng đã được huấn luyện ở nước ngoài.

1. Name of Student / Trainee :
Họ tên sinh viên/Người thụ huấn
2. School and School Address :
Trường và địa chỉ Trường
3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses :
Mô tả ngành học
5. Who paid for training ? :
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : PLEASE ATTACH ANY COPIES OF DIPLOMAS, OR ORDERS, IF AVAILABLE. AVAILABLE : Yes : No :)

(CHÚ Ý : Xin Ban kèm theo Văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có. Ban có không ? Có : Không :)

RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Học hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? Yes : No :
Còn học tập cải tạo ? Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao Giấy Ra Trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS? / Các chú phụ thuộc.

I would ask Your kind Consideration for granting us allowance, as one of my daughter, Ms Đỗ Thị Tư has her leg bone seriously sick. in order to cure her.

On the other hand, my husband had got 4 ~~xxxx~~ medals.

Signature : *Mui*
Tên

Date : December 21st, 1989
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Copies of my children's birth certificates.
2. Photocopies of Residence Record before 1975.
3. Photocopy of declaration on losing ID Card.
4. Photocopy of certification of not granting other allowance.
5. Photocopy of 'Living Together' Certificate.
6. Photocopy of my husband's curriculum vitae.
7. Photocopy of Report from Medical Check Board.
8. Photocopy of Death Announcement.
9. Photocopy of Decree No. 5107/SD9/TQT/CP/TT/2 dated 16.06.1969
10. Photocopy of Decree No. 3412/QP dated on 20.07.1970 on granting allowance to War-Dead's Wife and to War-Dead's Children.
11. Photos.

NAM - VIỆT
(SUD VIETNAM)

QUỐC - GIA VIỆT - NAM
(ÉTAT DU VIETNAM.)

Quận Sài-Gòn
(Délégation)
Tông Sài-Gòn
(Canton)
Làng Sài-Gòn
(Village)

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BỘN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1960

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

LÀNG Sài-Gòn TỈNH SÀI-GÒN (NAM-VIỆT)
(Village) (Province) (Sud Việt - Nam)
NĂM 1960 SỐ HIỆU 79
(Année) (Acte N.)

Tên họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	<u>ĐO - VĂN - KHANH</u>
Nam hay Nữ (Sex de l'enfant)	<u>Nam</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày 9 tháng 3 năm 1960</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Sài-Gòn</u>
Tên họ cha (Nom et prénoms du père)	<u>ĐO - VĂN - HẢI</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Cán-Quan</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>KHO. 4.000</u>
Tên họ mẹ (Nom et prénoms de la mère)	<u>TRẦN - THỊ - HỒNG</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Nhà-Trợ</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Cao-Dinh Thành-Vũ</u>
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Chứng tá
Nous

Quận - Trưởng Quận
Député Administratif

Chứng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
Certifions l'authenticité des signatures opposées ci contre des

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

Conseillers communaux du village de

_____ , ngày _____ tháng _____ năm 1960

TRÍCH Y BỘN CHÁNH

Sài-Gòn , ngày 5 tháng 1 năm 1960

Chủ-Tịch-Liên Ủy-Viên Hộ-Tịch,



[Signature]

TRẦN-VĂN-QUANG

Quận Trưởng, nhận thực chữ ký của
Député Administratif, Ủy-Viên Hộ-Tịch
Đoàn Khanh
đọc, ngày 17 tháng 01 năm 1960
QUẬN-TRƯỞNG,
THÀNH-THỊ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Vĩnh Long

BẢN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ Chánh Hội

NĂM 1969

Số hiệu 159

Tên họ đứa con nít.	ĐỖ VĂN BÓN
Nam hay nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày mười lăm, tháng ba, năm 1969
Sanh tại đâu	Xã Chánh Hội
Tên, họ cha	ĐỖ VĂN MƯỜI
Cha làm nghề gì	Quân Nhân
Nhà cửa ở đâu	TIỂU-ĐOÀN 4/16, K.B.C 4004
Tên họ mẹ	HÀ THỊ MÙI
Mẹ làm nghề gì	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu	Tiểu-Đoàn 4/16, K.B.C 40 4
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ Chánh

Tại Chánh Hội, ngày 19 tháng 03 năm 1969
NGƯỜI KHAI, HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH,

(Ký và đóng dấu)

Chứng cho hợp pháp chữ ký ngang đây của

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã — Chánh Hội

Minh Đức, ngày 19-03-1969

TL. QUẢN TRƯỞNG.



LÊ-VĂN-LƯU

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỘI

Chánh Hội, ngày 19 tháng 03 1969

ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch, Phó Chủ-Tịch kiêm: C.V Kinh-Tài



NGUYỄN-VĂN-H

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
TỐI-CAO PHÁP-VIỆN

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

Toà Phong-Dinh

TOÀ Phong-Dinh

(1) Ngày 22-9-1966

Giấy thể-vì khái-sanh

cho Đỗ-thị-Tư

(1) Số: 2190/a

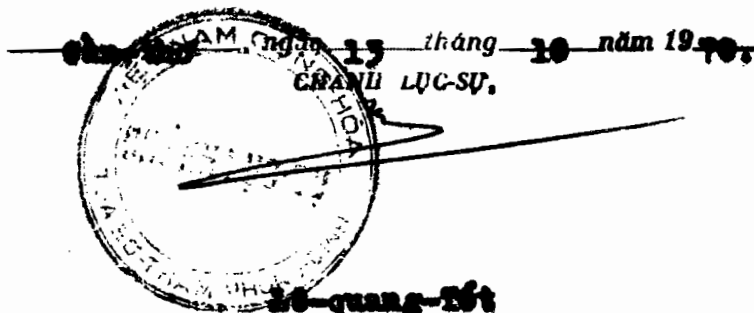
Một bản chánh giấy thể-vì khái-sanh
cấp cho Đỗ-thị-Tư
do Ông Trần-chí-Hòa Chánh-Án Toà Phong-Dinh
với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 22-9-1966
và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng nầy, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

- Đỗ-thị-Tư, (Tư), nữ sanh ngày 15-9-1963,
tại Thạnh-An (Phong-Dinh) con của Đỗ-văn-Huân và
Hà-thị-Huân ./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH



14-phí-Năm-Phí HNTT.

(1) Lập lại sơ ngay tháng
và năm trên đây mỗi
khi xin trích-lục.

Đỗ-quang-Tốt

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TOA Phong-Dinh

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

Toà Phong-Dinh

(1) Ngày 22-9-1966

Giấy thể-vi khai sinh

cho Dỗ-thị-Sa.

(1) Số: 2190/a

Một bản chánh giấy thể-vi khai sinh

cấp cho Dỗ-thị-Sa.

do Ông Trần-chí-Hà

Chánh-An Toà Phong-Dinh

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 22-9-1966

và đã trước-bạ ;

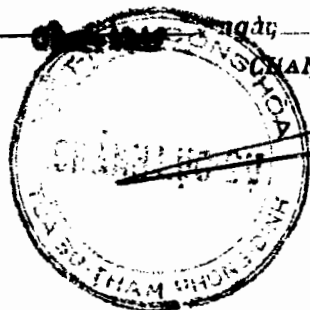
TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

- Dỗ-thị-Sa, nữ sinh ngày 30-10-1962.
tại Chánh-An (Phong-Dinh) con của Dỗ-văn-Như và
Hà-thị-Như ./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

ngày 13 tháng 10 năm 1970.



Lệ-phí Nhiệm-Phí HSTT

(1) Lập lại sơ ngay tháng
và năm trên đây mỗi
khi xin trích-lục.

Lê-quang-Tết

VIỆT-NAM CỘNG HOÀ
TỐI-CAO PHÁP-VIỆN

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

TOÀ Phong-Dinh

Toà Phong-Dinh

(1) Ngày 22-9-1966

Một bản chánh giấy thể-vi khởi sinh

Giấy thể-vi khởi sinh

cấp cho Sở-Thuế-Hải

cho Sở-Thuế-Hải

do Ông Trần-Chí-Tiến Chánh-Án Toà Phong-Dinh

(1) Số : 2290/a.

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 22-9-1966

và đã trước-bạ ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

- Sở-Thuế-Hải, sinh ngày 23-11-1961.

tại Thạnh-An (Phong-Dinh) con của Sở-Văn-Mười và Mã-Thị-Mười ./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH



tháng 12 năm 19 70.
PHÒNG LỤC-SỰ.

Lý-phí niệm-phái HOTT.

(1) Láp lại số ngày tháng
và năm trên đây mỗi
khi xin trích-lục.

Lê-quang-Tết

LỜI CHỈ DẠN

Về thủ tục khai gia đình cho các Gia trưởng ghi nhớ để thi hành :

A—Trường hợp di chuyển đi nơi khác :

1) Khi di chuyển từ nơi (cố) gia đình, làm đơn lên Quận trưởng để xin kiểm nhận vào Đơn và Sổ (1).

2) Khi một người trong gia đình di chuyển, làm đơn lên Quận trưởng, Trưởng ấp kiểm nhận, ghi chú vào phần lý lịch cá nhân (2) trong Sổ Gia Đình và xác nhận lại phần nhân số 3) Đơn xin di chuyển phải làm thành 2 bản có liên gia và Trưởng ấp kiểm thì

B—Trường hợp vắng mặt và tạm trú :

Gia đình có người vắng mặt hay có khách đến tạm trú, Gia trưởng phải đem người cùng sổ gia đình đến liên gia hay Trưởng ấp trình diện và thì nhận :

a) Từ 1 đến 2 ngày : Liên gia trưởng thì nhận (4).

b) Từ 3 đến 14 ngày : Trưởng ấp thì nhận (4).

Liên gia hay Trưởng ấp sẽ ghi chú vào 2 trang bìa (trang bìa 2 cho người tạm trú, trang bìa 3 cho người vắng mặt)

c) Từ 15 đến 30 ngày : Phải làm đơn trình lên Quận trưởng thì nhận và gia hạn hàng tháng (nếu tạm trú thêm)

C—Trường hợp đặc biệt :

Khi thu nhận người có tính cách tạm thời, Gia trưởng phải làm đơn trình Quận trưởng kiểm nhận như nói trên. Tuy nhiên, nếu biết chắc gia nhân giữ việc lâu dài, có thể xin ghi tên vào Sổ Gia Đình.

Những gia trưởng không khai báo khi có sự thay đổi số người trong gia đình hoặc không báo không thành thật sẽ bị trừng phạt và có thể bị truy tố theo hình luật, chiến điều 9 Nghị định số 353-BNV HC ND ngày 30.6.1958 của Bộ Nội Vụ.

(1) Tại nơi trang bìa nhất tại phần «Danh Di Chuyển Gia Đình»

(2) Phần dưới trang Lý lịch cá nhân của người di chuyển.

(3) Tại tờ thì nhận nhất
(4) Thì nhận bằng cách tại liên gia hay Trưởng ấp ghi tên người vắng mặt cũng như tạm trú này.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh <u>ĐOÀN KIỆT</u>	Ấp <u>ĐOÀN KIỆT</u>
Quận <u>ĐOÀN KIỆT</u>	Khóm <u>2</u> Liên gia <u>30</u> Số nhà <u>146</u>
Xã <u>ĐOÀN KIỆT</u>	

SỔ GIA ĐÌNH

Họ tên Gia trưởng Trần Văn Hùng

Số 13 ngày 13 tháng 03 năm 1973

Gia trưởng ký tên.

Trần Văn Hùng



13/03/1973

KIỂM THỊ:

Liên gia trưởng.



KIỂM THỊ:

Ban Trị Sự Tổng Ấp.

PHÂN TÁCH DI CHUYỂN GIA ĐÌNH

NHÂN CHỨC NGÂN HÀNG

Nhận số 14 tháng 11 năm 1973

người.

KIỂM NHẬN:

ngày

197

Quận trưởng.

KIỂM NHẬN:

ngày

197

Quận trưởng.

Bản ghi Thân nhân đến tạm trú

Trong thời hạn từ 2 tới 30 ngày
(Do chính ay Liên gia hay Trưởng ấp ghi)

Ngày đến	Họ tên người tạm trú	Ở căn cước, ngày, nơi cấp	Ở đâu đến và lý do	Ngày rời đi
----------	----------------------	---------------------------	--------------------	-------------



Bản ghi những người vắng mặt

(Do chính tay Liên gia hay Trưởng ấp ghi)

Ngày đi	Họ tên người vắng mặt	Đi đâu	Lý do	Ngày trở về
---------	-----------------------	--------	-------	-------------

VIET NAM CONG HOA
QUAN LUC QUET VIET CONG HOA
QUAN DOAN IV
SU DOAN ; BO BINH
THUNG DOAN 14 BO BINH
BO CHINH * BAN LAM TRI
SO: 7H 66/THUNG 6/BOY/HT

SC: 7H66/TRDI6/30T/MT

St. Ignace, Mo. 11/21/21

~~NOT FOR~~

TỈNH PHONG DINH
QUẬN CẤP TỈNH
XÃ PHÚ THỦ

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

(bùng tôi Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Phú Thủ, Quận Châu Thành
Phong-Dinh) chứng nhận O ĐỖ VĂN MƯỜI phối hợp

với Bà HÀ THỊ MƯỜI có lập hôn thú số 2190
ngày 22-9-1966 cấp tại Tòa Khâm phán hội giải (r.b)

và có sinh được các con như dưới đây

10	ĐỖ THỊ HAI	08	tuổi, (số khai sanh 2190
20	ĐỖ THỊ BA	07	tuổi, (số khai sanh 2190
30	ĐỖ THỊ TƯ	06	tuổi, (số khai sanh 2190
40	ĐỖ VĂN NAM	02	tuổi, (số khai sanh 54
50	ĐỖ VĂN ĐON	01	tuổi, (số khai sanh 159
60			tuổi, (số khai sanh
70			tuổi, (số khai sanh
80			tuổi, (số khai sanh
90			tuổi, (số khai sanh
100			tuổi, (số khai sanh

Hiện giờ còn sống và đang ở tại nhà số 7/E đường Xã Phú Thủ
Châu Thành (Phong-Dinh) sống dưới sự bảo trợ của Ông ĐỖ VĂN MƯỜI

Nên chúng tôi do theo tờ HỘ tịch trên đây, chứng thật cho đương sự
nộp hồ sơ phụ cấp gia đình.

Làm tại Xã Phú Thủ ngày 23 tháng 12 1969

Ủy-Ban Hành-Chánh xã

Xã-Trưởng,

U.V. HỒ TỊCH

Chắc

Thư

Chứng cho hợp pháp chữ ký ngang

Ủy-Ban H.C. Xã Phú Thủ

ĐẠI RANG ngày 21/12/19

QUẬN - TRƯỞNG



TỜ KHAI MẮT THẺ CĂN - GƯỚC

Pheng. Xinh

 Hoa Thi Anh bí danh
1943 tại Thị trấn Cần Thơ
Trưởng và Bà Hoa Thi Anh
lâm vùng ngày tại Ấp Phú Hòa, Phú Thái P.D.
Đã được kinh trình Ông Trưởng Ty thi cử nước của tôi để cấp tại Phòng Binh ngày 05/09/79
trong hợp dưới đây đã bị mất trong

TRUONG HOP

Tôi đi chi Contro, ngày 25-01-91 lúc 9 giờ
đến địa điểm này và thấy có một người đang đi
cùng tôi.

CỘNG HÒA VIỆT NAM
TẠI BẮC CẦN GIANG - BÌNH DƯƠNG

Họ và tên: _____
Số nhà: _____
Quê hương: _____
Ngày sinh: _____
Chức vụ: _____
Đang học: _____ năm 1968

Mười

TRƯỜNG ĐOÀN CÁN CÔNG

Tờ khai nhận được ngày

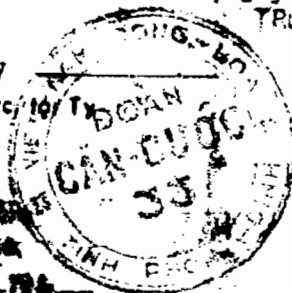
Giáo viên chức, tại T

CHIEF - HUSBAND

Adi

Ngày... tháng... năm...

Đã thanh hồ sơ: bốn nhĩ số ghi trên
(Người lãnh thẻ ký)



VIỆT NAM - CỘNG HÒA

TỜ KHAI KIỂM LÃNH

TỈNH Chung Hưng
QUẬN Chân Thành
Xã Thị Thới

Tôi tên là Hà Thị Mười sinh năm 1943
căn cước số 05090791 cấp tại Cẩm Khê ngày 27
hiện ngụ tại nhà số 27 đường ấp Thị Thới xã Thị Thới
quận Chân Thành tỉnh Chung Hưng

Xin khai thật: tôi là quả phụ Đỗ Văn Mười
số cấp dưỡng số 33506 không có lãnh ở nơi nào khác
những phụ cấp gia đình hoặc những tăng khoản thuộc về đứa trẻ có
tên ở chứng chỉ đăng bạ.

Nếu có điều chi gian dối thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật.

Chứng nhận chữ ký tên (lăng tay) của
Hà Thị Mười ngày đây là sự thật.
Mười Thới ngày 4 tháng 5 năm 1961

Thị Thới ngày 4 tháng 5 năm 1961
Người khai
Mười



Đỗ Văn Mười
Chứng

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC
THAM GIA VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH

U-3

Số : 6 H-24-1/3 Lũ V.24.1571 số quyết định 702.667.

44-38861-2466

1 - 1000 : 1000

1970 - Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, có đến 7/10 loại dân, là di dân đến tị nạn ở 770.093 thuộc địa phận quận Kiên Thiện, tỉnh Chương Thiện, miền Tây Nam Bộ Việt Nam từ tháng 10-11-69 qua tên trong sổ biên danh của tỉnh. Họ sống ở khu vực này, gia đình 1 vợ 5 con có họ tại thời điểm quân đội Trung Hoa Dân Quốc, họ nhận lãnh lương cho vợ chồng và 5-11-69 tại quê nhà, thậm chí tên gia đình, họ và con họ.

• • • **Stop time 0.** • • •

11-11-1967 = ngày truy thăng cấp Thượng tá/Thiếu tá do quyết định số 754/TK.Đ 16/TK/TT ngày 25-11-1967 của Trung ương 16 Bộ Minh.

Huy chương - 1 Chiến công cấp Tỉnh do quyết định ngày 07-11-1967.

- 1 Chiến công cấp Tỉnh do quyết định ngày 27-11-1967.

- 1 Chiến công cấp Tỉnh/Đ.5 - 04 - 01-07-1969.

- 1 Chiến công cấp Tỉnh/Đ.5 - 04 - 30-06-1969 của Trung ương 16 Bộ Minh.

Khu 3, ngày 04 tháng 12 năm 1969

Th. Trung tá NGUYỄN VĂN CHINH

Trung tá Trưởng Trung đoàn 16 Nghệ An.

Th. Trung tá LÊ QUANG HIỂN

Th. Trung tá

(Chữ ký)

SỐ 1 HẸN CHẤM :

Đã tiếp nhận hồ sơ của
Đoàn 16 và 16 Bộ Minh

Phụ lục ngày 24/12/69
Đã tiếp nhận


PHAN VĂN MIÊU
Kế Trưởng

Chứng minh hợp pháp chữ ký
của Đoàn 16 PHÚ-THỦ
ngày 24 tháng 12 năm 1969
QUẢN-TRƯỞNG



CAO-MỸ-NHON
Phó-Độc-đoàn Cảnh Sát

15/10/60 CAO GIAM-DINH Y-KHOA

1. Cấp bậc họ tên người đi được giám định: <u>Thiếu tá NGUYỄN VĂN HƯNG</u>	2. Đơn vị: <u>ĐL 16</u>	3. Ngày: <u>4/5/69</u>	4. Nơi: <u>KBC</u>
5. Nhập viện ngày: <u>2/5/69</u>	6. Trình diện HDYK ngày: <u>3 MAY 1969</u>	7. Xuất Viện ngày: <u>5/5/69</u>	8. Thuyên chuyển đến: <u></u>

BAC 222

ZCZCZOR OZOZOZCZO

~~T~~:~~V~~:~~A~~:B:I:D:X: QHQ-TH:SH

100-443887-100

[Handwritten scribbles]

Bị thưởng ngược phải không đủ chứng.

a/- Những sự thay đổi trên khiến cho đường sự không thích ứng những lực
cộng tác như: CHIẾN ĐẤU - LƯU ĐỢT.
b/- Đề nghị thay quyết định : (Loại CI MỘT)
c/- Những thay đổi trên có tính cách: CHIẾN ĐẤU.

GEI CHU: Tích cách tạm thời sẽ đương nhiên chấm dứt ngày:

~~Đúng là phải trở lại QYV. Phải Thanh Giản hay một quân nhân
đó là o giám định lại.~~

K.B.Q

Ngày 15 tháng 5 năm 1969.

- Nối: Nguyễn - 2 PTM/P. TOT - KBC. 4002
- Cao Quan X/P. NCKT. KBC. 45
- Đơn vị: SPS/KBC 4004
- Địa vị: NCKT. KBC. 4174
- Họ Sđ - Lưu chiểu

MA: QD 822
22.5.1970

Hien

NGHỊ-ĐỊNH
CHUẨN-CẤP-CẤP-DƯỠNG-QUẢ-PHỤ
VIÊN-VIÊN; TẠM-THỜI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ CỰU CHIẾN-BÌNH
NHA HƯU-BỔNG VÀ CẤP-DƯỠNG
Số **3412** /QP

TỔNG-TRƯỞNG-CỰU-CHIẾN-BÌNH

Chiều quy số 22 ngày 15 tháng 11 năm 1952, an định là tổng quát căn đường binh sĩ
tân-phê cho các quân-nhân trong Quân-Đội Quốc-Gia Việt-Nam và những người kế-quyền của họ;
Chẩn nghị-định số 258-Cab/ACIG ngày 22 tháng 4 năm 1953 quy định chi tiết và
cần thiết để thi hành các quy định trên đây, từ các nghị-quyết kế tiếp:

— Chiều hồ-sơ xin cấp dưỡng của Bà: **HA THI NGUY**
quả phụ Ông **ĐO VĂN MƯỜI**

NGHỊ-ĐỊNH

Điều thứ nhất. — Bà

sinh ngày **1943**

tại **TP. HCM**

Quả phụ Ông

cấp bậc **HSI**

đơn vị **TH. 7/10**

Đa

CỦ TRẦN

ngày

16.11.69

Được hưởng kể từ ngày

17.11.69

đến ngày

một cấp dưỡng quả phụ theo giá ngạch **HSI**

Số tiền cấp dưỡng chính, phụ khoản và phụ cấp gia đình, tính hàng năm là **BA MƯỜI MỘT NGÀN NH**

TRAM HAI MƯỜI SAU ĐỒNG (31.524,00).

Lập kế tăng khoản như sau:

CẤP-DƯỠNG-TIỀN-TIỀN-CẤP-BẠC

Cấp dưỡng chính (giá biểu)

Phụ khoản gia đình

Phụ cấp gia đình

Tăng khoản đặc biệt

TỔNG CỘNG:

Từ	đến	Từ	đến	Từ	đến	Từ	đến
con	con	con	con	con	con	con	con
12.000							
6.250							
5.148							
7.200							
31.524							

Điều thứ hai. — Đồng-Lý Văn-Phòng, Tổng Thư-Ký Bộ Cựu Chiến-Bình và Giám-Đốc
Nha Hưu-bổng và Cấp-dưỡng chiếu nhiệm-vụ thi hành nghị-định này.

Saigon, ngày

20 Th.7. 1970



Trưng-Tô **TRẦN**
Trần-Tro

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ CỰU CHIẾN-BINH
NHA HƯU-BỔNG
VÀ CẤP-DƯỠNG

Đương-sự yêu cầu được lãnh tiền
tại quỹ kế-toán ngân viên:

Phong Diện



Chữ ký hoặc điểm-chỉ (ngón trỏ
và ngón cái) của người hưởng cấp
dưỡng hay đại-diện nhân-dịnh.

CHỨNG-CHỈ ĐĂNG-BẠ
QUẢ-PHU

Chủ-Lực Quân

☐ Nghĩa-Quân

☐ Địa-Phong-Quân

☐ Cán-Bà XDNT

Ngày-dịnh số

QR

ngày

QR

Họ và tên quân-phu

Trú-quân

Họ và tên quân-nhân

Cấp-bậc

Quân số

Đơn-vị

T. 4/16

Được hưởng cấp-dưỡng kể từ ngày

Tên các con được kê để hưởng tăng
khoản (điều 47, đoạn 2)

Ngày sinh

Được hưởng
đến

H. 1. 1. 61

30. 10. 61

30. 10. 61

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

15. 03. 60

LIỆT-KÊ CÁC KHOẢN
CỦA CẤP DƯỠNG

Cấp-dưỡng chính (giá biểu
Tăng khoản)

(Điều 47, đoạn 1, và 47, đoạn 2)

Tổng cộng } hằng năm
mỗi tam cá nguyệt

Từ 17. 11. 69

Từ

Từ

Từ

Đến

Đến

Đến

Đến

(con)

(con)

(con)

(con)

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

1. 00. 00

Ký lãnh tiền lần thứ-nhất:

Số tiền cấp-dưỡng thuộc thời-kỳ từ ngày

đến

\$

Khẩu trừ

Còn được lãnh

Cho phép trả cấp-dưỡng ghi ở phiếu này.

Saigon, ngày 20 Th. 7. 1970

T. U. N. Tổng-Trưởng Cựu Chiến-Binh

MẪU
80-11-64 QĐ-293

PHÂN-QUÊ
Thống-Trưởng

PHÂN-QUÊ

VIỆT NAM CỘNG HÒA
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
VÙNG IV CHIẾN THUẬT * QUÂN ĐOÀN 4
KHU 41 CHIẾN THUẬT * KINH SÚ-ĐỒN

Dai-hi TRAN BA DI
Tu-Linh SÚ-Đoàn 9 Bó-Binh
Khu-Tu-Linh khu 41 Chiến-Thuật

ĐO THAM MỤC * TRONG TỌA QUAY TRI

SO : 5 1 0 7 /BĐ9/TQT/QT/TT/2

- Chiếu ban hành số 400 ngày 19-10-1968 an-dinh việc thông thương quan-chen trong khu-lực Việt-Nam Cộng-Hoa.
- Chiếu ban hành số 4076/Đ/TQT/TT/1 ngày 1-8-1969 của Bộ Tu-Linh Quân-Đoàn IV về việc ban hành Chiếu-Binh về thông thương và đi lại và đi lại thông thương năm 1969.

QUYẾT-DINH

Được thông cấp kể từ ngày 1-8-1969.

A.- Len cấp-ĐI

B.- Len cấp-ĐI

1.- Binh I				
10.-	-nt-	LE VAN A	61/520.398	Trung-Đoàn 16 Bó-Binh
16.-	-nt-	CHAU KINH	61/500.573	
17.-	-nt-	PHAM VAN GHI	61/502.327	-nt-
19.-	-nt-	NGUYEN VAN ANH	61/114.223	-nt-
21.-	-nt-	TRAN VAN THUOC	61/500.090	-nt-
23.-	-nt-	NGUYEN VAN CHA	61/501.623	-nt-
25.-	-nt-	NGUYEN VAN KHOANG	57/501.432	-nt-
27.-	-nt-	NGUYEN VAN HUNG	42/500.084	-nt-
29.-	-nt-	LE VAN THANH	79/501.488	-nt-
31.-	-nt-	LAN VAN HY	55/501.311	-nt-
33.-	-nt-	NGUYEN VAN KHANH	50/501.497	-nt-
35.-	-nt-	TRUNG HANH	59/501.392	-nt-
37.-	-nt-	TRAN DIEM	61/502.732	-nt-
39.-	-nt-	CHAU KINH	56/501.317	-nt-
41.-	-nt-	NGUYEN VAN CHU	57/502.040	-nt-
43.-	-nt-	LE VAN ANH	61/137.490	-nt-
45.-	-nt-	PHAM VAN MUOI	61/000.810	-nt-
47.-	-nt-	NGUYEN THIEN TU	61/521.499	-nt-
49.-	-nt-	PHAM DIEM	61/410.513	-nt-
51.-	-nt-	DANG VAN THO	62/150.864	-nt-
53.-	-nt-	LE VAN CHINH	56/501.183	-nt-
55.-	-nt-	NGUYEN VAN DU	61/502.076	-nt-
57.-	-nt-	DO VAN MUOI	62/502.667	-nt-
59.-	-nt-	NGUYEN VAN MINH	61/502.666	-nt-

ĐIỀU 2.- Các Đơn-Vi-Trưởng liên-hệ biết-nhiệm-vụ thi-hành Quyết-Dinh này./-

ĐOY KHAN

KBC. 915, ngày 16 tháng 8 năm 1969
(Ký tên và đóng dấu)

- Trung-Đoàn 16 Bó-Binh
"Đo thi-hành"

Trích chuyển từ số 3761/TQT/TT/1 ngày 24 tháng 8 năm 1969 của Trung-Đoàn 16 Bó-Binh

TRUNG BAO Y SOY

- Dai-hi 1 - 2 - 3 - CH/4
"Đo thi-hành và thông báo về các đường-sau"

DONG KINH GOI

- BCH/TQT/16/TQT

"ĐO KINH TUONG"

VIỆT NAM CỘNG HÒA
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
QUÂN ĐOÀN IV
SÚ ĐOÀN 9 BÓ BÍNH
TRƯỜNG ĐOÀN 16 BÓ BÍNH
TỔ ĐOÀN 4

SO : 168 /TQT/16/36

KBC. 4.004, ngày 02 tháng 09 năm 1969

Tu-Linh-Ủy TRINH VAN BA
Tiêu-Thủ-Trưởng Tiêu-Đoàn 4/16
TỔ ĐOÀN 4 THÍCH



Đỗ Thị Hai
28 tuổi.

Đỗ Thị Ba
27 tuổi.

Đỗ Văn Năm
21 tuổi

Ta Thị Mùi
46 tuổi

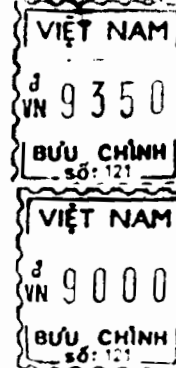
Đỗ Văn Bốn
21 tuổi.

Đỗ Thị Tú
26 tuổi

R 045



JAN 9 1990



TO : MRS KHUC MINH THUC
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.